TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03/4/2024
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Trọng

Bà Nguyễn Thị Hà

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Huyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 332/2023/TLST-HNGĐ ngày 29/12/2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nghiêm Hoàng H, sinh năm 1990 (có mặt)

Trú tại: Thôn L, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn Vĩnh Mộ, xã Nguyễn Trãi, huyện T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nghiêm Hoàng H trình bày:

Anh H và chị Nguyễn Thị H2 kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện T, thành phố Hà Nội ngày 21/01/2021. Sau khi tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, chị H2 về chung sống với anh H tại thôn L, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn khoảng 2-3 tháng thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã, một phần cũng do vợ chồng kết hôn quá vội vàng, thời gian làm quen và tìm hiểu chưa đến một tháng đã kết hôn nên chưa hiểu rõ tính nết của nhau. Chị H2 nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ nhưng anh H vẫn bỏ qua và đón chị H2 về nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên gay gắt. Đến tháng 05/2021 chị H2 bỏ hẳn về nhà mẹ đẻ ở thôn Vĩnh Mộ, xã Nguyễn Trãi, huyện T, TP Hà Nội và ly thân với anh H từ đó đến nay. Mặc dù anh H đã đến nhà chị H2 để gặp và hòa giải mâu thuẫn nhưng bị gia đình chị H2 ngăn cản, chị H2 tránh mặt anh H và cắt đứt liên lạc từ đó. Nay anh H xác định thời gian vợ chồng chung sống quá ngắn ngủi, vợ chồng ly thân lâu ngày nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H xin ly hôn với chị H2 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh H và chị H2 không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H và chị H2 không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là chị Nguyễn Thị H2 nhưng chị H2 đều vắng mặt trong các buổi làm việc và hòa giải. Mẹ đẻ chị H2 là bà Lê Thị Tới cho biết: Anh H và chị H2 kết hôn được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D. Sau khi kết hôn, chị H2 về chung sống với anh H tại thôn L, xã D nhưng chỉ được khoảng 3 tháng thì chị H2 bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đó đến nay, ly thân với anh H. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng anh H chị H2 bất đồng quan điểm nên hay xảy ra cãi vã. Kể từ khi ly thân, anh H chưa một lần gặp mặt trực tiếp chị H2 để hòa giải mâu thuẫn. Nay anh H xin ly hôn, do chị H2 chưa thoải mái tâm lý nên không trình bày ý kiến với Tòa, gia đình nhận thay và cam kết gửi lại các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị H2 và động viên chị H2 đến Tòa để

giải quyết dứt điểm. Anh H và chị H2 không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm yêu cầu xin ly hôn với chị H2, không có con chung và tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng và đầy đủ; Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện T thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền; Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định; Về thu thập chứng cứ đủ và đúng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử theo đúng trình tự; Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nghiêm Hoàng H và xử cho anh H được ly hôn với chị Nguyễn Thị H2. Về con chung: Không có, không xem xét. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Nghiêm Hoàng H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị H2 vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nghiêm Hoàng H và chị Nguyễn Thị H2 kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/01/2021 tại UBND xã D, huyện T, thành phố Hà Nội. Như vậy, hôn nhân của anh H và chị H2 là hợp pháp theo luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Vợ chồng anh H và chị H2 chung sống hòa thuận khoảng 03 tháng đầu thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng chưa tìm hiểu rõ về nhau, tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi vã. Anh H và chị H2 ly thân từ khoảng tháng 5/2021 đến nay đã gần 03 năm không còn liên lạc, quan tâm chăm sóc nhau, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức. Xét thấy, hôn nhân của anh H và chị H2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh H là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh H và chị H2 không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công sức đóng góp và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh Nghiêm Hoàng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử*:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nghiêm Hoàng H. Anh Nghiêm Hoàng H được ly hôn chị Nguyễn Thị H2.

2. Về con chung: Anh H và chị H2 không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Anh Nghiêm Hoàng H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0016077 ngày 28/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội. Anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Lan Hương

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
-TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện T, TP Hà Nội;
-Chi cục THA huyện T;
- UBND xã D, huyện T Thành phố Hà Nội;
- Lưu HS vụ án.